

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HNGĐ -ST

Ngày: 29-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Hồ An T**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Trương Thị Thuý T1**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Chị **Hồ Thị Bé N**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/6/2025, nguyên đơn anh Hồ An T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Thuý T1 thành hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 vào ngày 04/4/2014. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh

phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc do vợ anh sống không chung thủy, đã sống chung như vợ chồng với người đàn ông khác, vợ chồng ly thân khoảng 06 tháng. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trương Thị Thuỳ T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Thuỳ D, sinh ngày 16/5/2011 và Hồ An T2, sinh ngày 26/02/2014 hiện đang sống với chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 05/8/2025, người làm chứng chị Hồ Thị Bé N trình bày: Chị là chị ruột của anh Hồ An T. Giữa anh T và chị T1 thành hôn không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn thì vợ chồng anh T, chị T1 sống bên gia đình chồng, khi anh T đi làm ăn thì chị T1 bỏ nhà đi. Mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị T1 như thế nào thì chị không biết. Về con chung của anh T và chị T1 có 02 con chung hiện đang sống chung với anh T, điều kiện sống của các cháu được đảm bảo, các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh T và chị T1 không có.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2025, nguyên đơn anh Hồ An T trình bày: Đối với con chung tên Trương Thị Thuỳ D sinh ra trước khi anh và chị T1 đăng ký kết hôn, nên anh chỉ yêu cầu công nhận Hồ An T2 là con chung của anh và chị T1, không yêu cầu đối với Trương Thị Thuỳ D.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải theo giấy triệu tập của Toà án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho anh Hồ An T được ly hôn với chị Trương Thị

Thùy T1. Về con chung: Giao con chung tên Hồ An T2, sinh ngày 26/02/2014 cho anh Hồ An T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị Thùy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hồ An T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Hồ An T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Trương Thị Thùy T1 cư trú ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025) thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn anh Hồ An T có đơn xin vắng mặt ngày 05/8/2025. Bị đơn chị Trương Thị Thùy T1 được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng chị Hồ Thị Bé N vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị N đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Hồ An T và chị Trương Thị Thùy T1 thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 vào ngày 04/4/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh T và chị T1 thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân khoảng 09 tháng nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T1 vắng mặt không lý do, anh T có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh T và chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Con chung tên Trương Thị Thủy D, sinh ngày 16/5/2011, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Xét con chung tên Hồ An T2, sinh ngày 26/02/2014 hiện đang sống với anh T, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Hồ An T2, sinh ngày 26/02/2014 cho anh Hồ An T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị Thủy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ An T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ An T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hồ An T. Xử cho anh T ly hôn với chị Trương Thị Thủy T1.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Hồ An T2, sinh ngày 26/02/2014 cho anh Hồ An T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị Thủy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ An T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hồ An T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0002054 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
 - THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
 - UBND xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn cũ)
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 04/4/2014);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thuý An